

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: Luật (Laws)

Hướng chuyên sâu 1: Luật kinh tế (Economic Laws)

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7380101

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ

Tên văn bằng: Luật

Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*(Ban hành tại quyết định số 3789 ngày 30 tháng 7 năm 2025
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Luật (chuyên ngành Luật Kinh tế) đào tạo cử nhân nắm vững nguyên lý, quy luật khoa học pháp lý, có kiến thức toàn diện, hệ thống về chuyên môn ngành luật và kiến thức chuyên sâu về luật kinh tế; thích nghi với môi trường làm việc, thực hiện thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc các lĩnh vực pháp luật nói chung, pháp luật kinh tế nói riêng; có sức khỏe; có phẩm chất chính trị, ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề luật để bảo vệ công lý, phục vụ Nhân dân và xây dựng Tổ quốc.

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Luật sẽ:

- MT1: Có hiểu biết cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội làm nền tảng cho nghiên cứu và áp dụng pháp luật; có kiến thức cơ sở về Nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên ngành tổng hợp về các lĩnh vực pháp luật, kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế để vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn;

- MT2: Có kỹ năng tư duy pháp lý và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể vận dụng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp lý, có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật đa dạng.

- MT3: Có sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức; có tâm huyết với nghề nghiệp, xây dựng và bảo vệ pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng và phụng sự Tổ quốc.

1.2 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CDR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội – văn hóa – lịch sử - truyền thống dân tộc, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực luật.
	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội – văn hóa – lịch sử, truyền thống dân tộc trong lĩnh vực luật.
	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật
Kiến thức chuyên môn	
CDR 2: Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc cơ sở ngành luật để nghiên cứu các lĩnh vực pháp luật cụ thể	2.1. Vận dụng được kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật, các học thuyết chính trị pháp lý, luật hiến pháp, quyền con người
	2.2. Vận dụng được kiến thức về nghề luật và đạo đức nghề luật; lập luận và viết trong nghề luật
CDR 3: Phân tích quy phạm pháp luật thuộc các nhóm kiến thức cốt lõi ngành Luật để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.	3.1. Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật quốc gia thuộc kiến thức cốt lõi ngành Luật (nhóm kiến thức luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh tế).

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
	3.2. Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật quốc tế thuộc nhóm kiến thức cốt lõi ngành Luật (nhóm kiến thức luật quốc tế).trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
CĐR 4: Đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế	4.1. Đề xuất giải pháp đối với các tình huống pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại trên cơ sở các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
	4.2. Đề xuất giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại trên cơ sở các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.
Kỹ năng chung	
ĐR 5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực luật	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
	5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.
	5.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.
CĐR 6: Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào các lĩnh vực chuyên biệt của ngành luật	6.1. Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để tư vấn đối với các vấn đề pháp lý cụ thể
	6.2. Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để ra quyết định đối với các vấn đề pháp lý cụ thể
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR 7: Thực hiện được kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý	7.1. Thực hiện được kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật để áp dụng giải

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
	quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn.
	7.2. Thực hiện được kỹ năng phát hiện, phân tích, giải quyết tình huống pháp lý thực tiễn, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm để giải quyết vấn đề pháp lý
CĐR 8: Thực hiện được kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản liên quan trong lĩnh vực pháp lý.	8.1. Thực hiện được kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính có tính pháp lý phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp. 8.2. Thực hiện được kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	9.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. 9.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.
CĐR 10: Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ luật pháp	10.1. Trung thực, liêm chính, cẩn trọng, cầu thị, thấu hiểu; có đạo đức nghề luật 10.2. Trung thành với Tổ quốc, có ý thức chính trị, tư tưởng vững vàng, có tinh thần thượng tôn pháp luật; ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

* Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Đôn, Trường đại học Victoria University

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

• Lĩnh vực

- Công việc nghiên cứu liên quan đến Luật
- Công việc tư vấn Luật

- Công việc liên quan đến giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp,...
- Công việc liên quan đến tự vận hành, tổ chức kinh doanh quy mô vừa và nhỏ
- **Vị trí**
 - Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, xã hội nghề nghiệp
 - Cán bộ, nhân viên trong các doanh nghiệp, trung tâm pháp lý
 - Cán bộ, nhân viên trong các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ
 - Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
 - Tự hành nghề luật.
- **Nơi làm việc**
 - Các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp,
 - Doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội
 - Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp
- **Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp**
 - Có thể học lên bậc học Cao học, Tiến sĩ

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

Đối với sinh viên Việt Nam: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Học viện.

Đối với sinh viên quốc tế (nếu có, vd SV Lào, Campuchia...): Theo quy định của Học viện

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

• **Triết lý giáo dục**

Khoa Khoa học xã hội, Học viện NNVN không ngừng phấn đấu đóng góp vào sự phát triển chung của Học viện và của ngành Xã hội học với các triết lý giáo dục: Sáng tạo (Creation) và Chuyên nghiệp (Professional)

• **Chiến lược dạy và học**

- Tổ chức các buổi trao đổi, dự giờ và các buổi xemina để trao đổi học thuật về nội dung và đổi mới phương pháp giảng dạy giúp phát huy tính tích cực của người học, tạo động lực để cuốn hút người học tham gia vào quá trình dạy học.
- Xây dựng đề thi theo hướng kiểm tra năng lực người học.
- Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình tiên tiến cho sinh viên của Học viện, các giảng viên trong Bộ môn cần được nâng cao trình độ tiếng Anh.
- Thường xuyên cập nhật và bổ sung nội dung cho các bài giảng

5. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá đầu vào: Tuyển sinh đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo và theo quy định của Học viện.

- Đánh giá quá trình: Được thực hiện thông qua đánh giá tại các học phần, đánh giá chuyên cần để đo thái độ, tinh thần học tập của sinh viên; đánh giá bài tập, thảo luận, thực hành nghề nghiệp ở các cơ sở, doanh nghiệp và địa phương; đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

- Đánh giá đầu ra: Sinh viên bắt buộc phải thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên bắt buộc phải tham gia và đạt yêu cầu ở kỳ thi chuẩn đầu ra tiếng Anh, Kỹ năng mềm,... theo quy định của Học viện.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 41 tín chỉ đại cương bắt buộc, 34 tín chỉ cơ sở ngành (trong đó 16 tín chỉ bắt buộc, 18 tín chỉ tự chọn), 103 tín chỉ cốt lõi ngành (trong đó 63 tín chỉ bắt buộc, 40 tín chỉ tự chọn). Sinh viên phải hoàn thành 120 tín chỉ bắt buộc và tối thiểu 15 tín chỉ tự chọn (6 tín chỉ tự chọn cơ sở ngành và 9 tín chỉ tự chọn cốt lõi ngành).

Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 3 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 6 tín chỉ kỹ năng mềm và 4 tín chỉ tin học. Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

(Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021: <https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf>)

7. Cấu trúc và nội dung chương trình:

Khối kiến thức	Luật	
	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Đại cương	41	30.4
Cơ sở ngành	22	16.3
Chuyên ngành/ Cốt lõi ngành	72	53.3
Tổng số tín chỉ bắt buộc	120	88.9
Tổng số tín chỉ tự chọn	15	11.1
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	135	100

Cấu trúc chương trình

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH XÃ HỘI HỌC				
ĐẠI CƯƠNG	CƠ SỞ NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH/CÓT LỐI NGÀNH	CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT (135 TC)	
Đại cương bắt buộc (41TC): 1. Thương mại và hội nhập quốc tế (3TC) 2. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (3TC) 3. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (4TC) 4. Triết học Mác - Lê Nin (3TC) 5. Công nghệ thông tin và chuyên đổi số (4TC) 6. Nông nghiệp hiện đại (4TC) 7. Sinh thái môi trường (4TC) 8. Tổ chức và quản lý kinh tế (3TC) 9. Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin (2TC) 10. Tiếng Anh 1 (2TC) 11. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) 12. Tiếng Anh 2 (3TC) 13. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC) 14. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC)	Cơ sở ngành bắt buộc (16TC): 1. Lý luận chung về NN&PL(4TC) 2. Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý (3TC) 3. Luật Hiến pháp (3TC) 4. Nghề luật và Đạo đức nghề luật (3TC) 5. Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật (3TC)	Chuyên ngành bắt buộc (63TC): 1. Luật Hình sự và Tố tụng HS (5TC) 2. Xây dựng văn bản pháp luật (3TC) 3. Luật Hành chính và Tố tụng HC (3TC) 4. Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự (5TC) 5. Tội phạm học và phòng chống tham nhũng (3TC) 6. Luật Thương mại (3TC) 7. Luật Hôn nhân và gia đình (3TC) 8. Công pháp quốc tế (3TC) 9. Tư pháp quốc tế (3TC) 10. Luật Tài chính (3TC) 11. Luật Đất đai (3TC) 12. Luật Sở hữu trí tuệ (3TC)	ĐIỀU KIỆN KHÁC: Giáo dục thể chất (chọn 3 trong các môn sau): - Điền kinh - Thể dục Aerobic - Bóng đá - Bóng chuyền - Bóng rổ - Cầu lông - Cờ vua - Khiêu vũ thể thao - Bơi - Golf - Yoga Giáo dục quốc phòng (Bắt buộc): - Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng - Công tác quốc phòng và an ninh - Quân sự chung Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật Kỹ năng mềm (non-	

			13. Luật Thương mại quốc tế (3TC) 14. Luật Lao động (3TC) 15. Thực tập (7TC) 16. Khóa luận tốt nghiệp (10TC)	credit): chọn 3 trong các môn sau: - Kỹ năng lãnh đạo - Kỹ năng quản lý bản thân - Kỹ năng kiểm tra việc làm - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng hội nhập - Kỹ năng bán hàng - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc với các bên liên quan Đạt đầu ra tin học Đạt đầu ra tiếng anh
			</	

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên
5	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information technology and digital transformation	4	4	0	BB		
6	1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4	4	0	BB		
7	1	TM91012	Sinh thái môi trường	Ecology and environment	4	4	0	BB		
8	2	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Economic organization and management	3	3	0	BB		
9	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Political economy of marxism and leninism	2	2	0	BB		
10	2	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2	2	0	BB		
11	2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2	2	0	BB		
12	3	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3	3	0	BB	Tiếng Anh 1	DN91034
13	3	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho chi minh ideology	2	2	0	BB		
14	3	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	The history of vietnamese communist party	2	2	0	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH					34	34	0			
1	1	XH94019	Lý luận chung về NN&PL	General theory of state and law	4	4	0	BB		
2	1	XH93020	Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý	History of the State and Law and Political-Legal Theories	3	3	0	BB		
3	2	XH94008	Luật Hiến pháp	Institutional laws	3	3	0	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên
4	2	XH93027	Xã hội học đại cương	Introduction to Sociology	3	3	0	TC		
5	2	XH93077	Chính sách xã hội	Social policies	3	3	0	TC		
6	2	KT92025	Nguyên lý kinh tế	Principles of Economics	3	3	0	TC		
7	2	KE92001	Nguyên lý kế toán	Principles of accounting	3	3	0	TC		
8	2	XH93021	Nghề luật và Đạo đức nghề luật	Legal Practice and Professional Ethics	3	3	0	BB		
9	2	KT92104	Nguyên lý thống kê	Principles of statistics	3	3	0	TC		
10	2	XH94028	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnamese culture	3	3	0	TC		
11	3	XH93022	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	Legal reasoning and writing skills in the legal profession	3	3	0	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH/CÓT LỎI NGÀNH					103	86	17			
1	2	XH94023	Luật Hình sự và Tố tụng HS	Criminal law and criminal procedures	5	5	0	BB		
2	2	XH94024	Xây dựng văn bản pháp luật	Formulation of legal documents	3	3	0	BB		
3	2	XH94078	Luật Hành chính và Tố tụng HC	Administrative law and administrative litigation	3	3	0	BB		
4	2	XH94005	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	Civil law and civil procedures	5	5	0	BB		
5	2	XH94025	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	Criminology and Anti-corruption	3	3	0	BB		
6	3	XH94026	Luật Thương mại	Commercial law	3	3	0	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên
7	3	XH94010	Luật Hôn nhân và gia đình	Law on marriage and family	3	3	0	BB		
8	3	XH94002	Công pháp quốc tế	Public international law	3	3	0	BB		
9	3	XH94007	Luật đầu tư	Law on investment	3	3	0	TC		
10	3	KT94002	Đấu thầu	Project bidding	3	3	0	TC		
11	3	XH94029	Công tác xã hội và an sinh xã hội	Social work and social security	3	3	0	TC		
12	3	XH94027	Kỹ năng chung về Tư vấn pháp luật	General Skills in Legal Counseling	3	3	0	TC		
13	3	XH94017	Tư pháp quốc tế	International private law	3	3	0	BB		
14	3	XH94012	Luật Môi trường	Environmental law	3	3	0	TC		
15	3	XH94003	Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	Law on competition and consumer protection	3	3	0	TC		
16	3	KT93044	Chính sách công	Public policies	3	3	0	TC		
17	3	XH94014	Luật Tài chính	Financial law	3	3	0	BB		
18	3	XH94006	Luật Đất đai	Land law	3	3	0	BB		
19	3	XH94013	Luật Sở hữu trí tuệ	Intellectual property law	3	3	0	BB		
20	4	XH94031	Xã hội học chính trị	Sociology of politics	3	3	0	TC		
21	4	XH94035	Xã hội học phát triển	Sociology of development	3	3	0	TC		
22	4	XH94079	Luật Kinh doanh BDS	Law on real estate business	3	3	0	TC		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên
23	4	XH94090	Luật Thương mại quốc tế	International trade and business law	3	3	0	BB		
24	4	XH94048	Luật Lao động	Labor law	3	3	0	BB		
25	4	XH94373	Thực tập ngành Luật	Internship in laws	7	0	7	BB		
26	4	XH94492	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	10	0	10	BB		
27	4	XH94018	Pháp luật về GQTC trong KDTM (thi tốt nghiệp thay thế)	Law on settlement of business-related disputes	3	3	0	TC		
28	4	XH94091	Luật Chứng khoán (thi tốt nghiệp thay thế)	Securities law	4	4	0	TC		
29	4	XH94011	Luật Kinh doanh bảo hiểm (thi tốt nghiệp thay thế)	Law on insurance business	3	3	0	TC		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần kỹ năng mềm**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Giáo dục thể chất và quốc phòng**

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết	BB/TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1		BB
	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	3		BB
	Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCS VN	3	BB
		QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2	BB
		QS01013	Quân sự chung	2	BB

	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4		BB
Tổng số			14		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần tin học**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
TH91084	Công nghệ thông tin và chuyên đổi số	4	BB

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

8. Kế hoạch học tập (dự kiến)

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
1	XH94019	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	4	4	0	BB	
1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3	0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3	0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4	4	0	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1	1	0	PCBB	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3	3	0	BB	
2	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	4	0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4	0	BB	
2	TM91012	Sinh thái môi trường	4	4	0	BB	
2	XH93020	Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý	3	3	0	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2	2	0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			32	32	0		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần tiếng anh bổ trợ, tiếng anh 0			3	3	0		

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
3	XH94008	Luật Hiến pháp	3	3	0	BB	
3	XH94023	Luật Hình sự và Tố tụng HS	5	5	0	BB	
3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	3	3	0	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	2	0	BB	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2	2	0	BB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	PCBB	
3	QS01012	Công tác quốc phòng an ninh	2	2	0	PCBB	
3	XH93077	Chính sách xã hội	3	3	0	TC	
3	KT92025	Nguyên lý kinh tế	3	3	0	TC	
3	KE92001	Nguyên lý kế toán	3	3	0	TC	
3	XH93027	Xã hội học đại cương	3	3	0	TC	
4	XH93021	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3	3	0	BB	
4	XH94024	Xây dựng văn bản pháp luật	3	3	0	BB	
4	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB	
4	XH94078	Luật Hành chính và Tố tụng HC	3	3	0	BB	
4	XH94005	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	5	5	0	BB	
4	XH94025	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	3	3	0	BB	
4	KT92104	Nguyên lý thống kê	3	3	0	TC	
4	XH94028	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	TC	
4	QS01013	Quân sự chung	2	1	1	PCBB	
4	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	0	4	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			34	34	0		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn			18	18	0		
Tổng số tín chỉ quốc phòng			11	6	5		

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
5	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB	
5	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB	
5	XH94026	Luật Thương mại	3	3	0	BB	
5	XH94010	Luật Hôn nhân và gia đình	3	3	0	BB	
5	XH94002	Công pháp quốc tế	3	3	0	BB	
5	DN91035	Tiếng Anh 2	3	3	0	BB	DN91034
5	XH94007	Luật đầu tư	3	3	0	TC	
5	KT94002	Đấu thầu	3	3	0	TC	
5	XH94029	Công tác xã hội và an sinh xã hội	3	3	0	TC	
6	XH94013	Luật Sở hữu trí tuệ	3	3	0	BB	
6	XH93022	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	3	3	0	BB	
6	XH94017	Tư pháp quốc tế	3	3	0	BB	
6	XH94014	Luật Tài chính	3	3	0	BB	
6	XH94006	Luật Đất đai	3	3	0	BB	
6	XH94012	Luật Môi trường	3	3	0	TC	
6	XH94003	Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	3	3	0	TC	
6	KT93044	Chính sách công	3	3	0	TC	
6	XH94027	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	3	3	0	TC	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			31	31	0		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn			18	18	0		

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
7	XH94373	Thực tập ngành Luật	7	0	7	BB	
7	XH94090	Luật Thương mại quốc tế	3	3	0	BB	
7	XH94048	Luật Lao động	3	3	0	BB	
7	XH94079	Luật Kinh doanh BĐS	3	3	0	TC	
7	XH94031	Xã hội học chính trị	3	3	0	TC	
7	XH94035	Xã hội học phát triển	3	3	0	TC	
8	XH94492	Khóa luận tốt nghiệp Luật	10	0	10	BB	
8	XH94018	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại (thi tốt nghiệp thay thế)	3	3	0	TC	
8	XH94091	Luật Chứng khoán (thi tốt nghiệp thay thế)	4	4	0	TC	
8	XH94011	Luật Kinh doanh bảo hiểm (thi tốt nghiệp thay thế)	3	3	0	TC	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			23	6	17		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn			19	19	0		

Lưu ý:

- Điều kiện sinh viên ngành Luật được làm Khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Học viện, đồng thời điểm TBCTL tại thời điểm giao KLTN phải từ 2.80 trở lên.
- Những sinh viên có điểm TBCTL dưới 2.80 sẽ học các học phần thay thế Khóa luận với 3 học phần gồm: Pháp luật giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại (3 TC), Luật Chứng khoán (4 TC), Luật Kinh doanh bảo hiểm (3TC).
- Sinh viên phải hoàn thành 120 tín chỉ bắt buộc và tối thiểu 15 tín chỉ tự chọn (6 tín chỉ tự chọn cơ sở ngành và 9 tín chỉ tự chọn cốt lõi ngành).

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

XH91075. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party) (2TC: 2-0-6). Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

XH09176. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) (2TC: 2-0-6). Nội dung học phần là tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần gồm 6 chương.

XH91047. Triết học Mác – Lê nin (Philosophy of Marxism and Leninism) (3TC: 3-0-9). Học phần gồm 3 chương giúp sinh viên hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin, xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật. Nội dung bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống; chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist- Leninist Political Economy) (2-0-6). Học phần gồm 6 chương, trình bày các vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Socialism) (2TC: 2-0-6). Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;

Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Speaking) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm kiến thức: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp.

KE91028. Khởi nghiệp và Văn hoá kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture) (4TC: 4-0-12). Học phần này bao gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong sản xuất kinh doanh; Tổ chức nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh; Kế hoạch sản xuất, kinh doanh; Điều hành, quản lý các nguồn lực và quá trình sản xuất, kinh doanh; Marketing sản phẩm và dịch vụ; Giám sát, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (Trade and International Integration) (3TC: 3-0-9). Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống Thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho

thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế.

NH91046. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture) (4TC: 4-0-12). Mô tả vắn tắt nội dung: học phần gồm 6 chương: (1)Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Các yếu tố tác động đến nông nghiệp hiện đại; (3) Máy và thiết bị trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình trồng trọt trong nông nghiệp hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi trong nông nghiệp hiện đại; (6) Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại.

TM91012. Sinh thái môi trường (Ecology and Environment) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

TH91084. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Information technology and digital transformation) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365.

DN91034. Tiếng Anh 1 (English 1) (2TC: 2-0-6). Brief description of the course: This course consists of 4 units at pre-intermediate level about the four topics including The past (Unit 1), Out and about (Unit 2), Work (Unit 3), Travellers (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities.

DN91035. English 2 (Total credits 03; lecture: 03 - practice : 0 - self-study: 09).

Brief description of the course: This course consists of 4 units at level B1- about the topics including People (Unit 1), Tale Tellers (Unit 2), Questions (Unit 3), Winners (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by

students through different sections: Grammar/Function; Vocabulary; Pronunciation; Speaking; Reading; Listening/video; Writing.

9.2. Các học phần cơ sở ngành

XH94019. Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật (General theory of state and law) (4 TC: 4-0-12). Học phần này gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Lý luận Nhà nước và Pháp luật; Lý luận về nhà nước; Lý luận về pháp luật; Nhà nước pháp quyền; Quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật và giải thích pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý.

XH93020. Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý (History of the State and Law and Political-Legal Theories) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm 02 phần và 8 chương. Phần 1 – Lịch sử Nhà nước và pháp luật (4 chương): Khái quát chung về lịch sử nhà nước và pháp luật; Lịch sử hình thành và phát triển nhà nước, pháp luật trên thế giới, Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, các xu hướng phát triển của nhà nước và pháp luật hiện đại. Phần 2 – Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý: Khái quát chung về lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý, Tư tưởng chính trị - pháp lý trong thời kì cổ đại, Học thuyết chính trị - pháp lý giai đoạn trung và cận đại, Tư tưởng chính trị - pháp lý thời hiện đại.

XH94008. Luật Hiến pháp (Institutional laws) (3 TC:3-0-9). Học phần được chia thành 5 nội dung chính như sau: Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp và Luật Hiến pháp; Chế độ chính trị; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ bầu cử; Bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

XH93027 - Xã hội học Đại cương (Introduction to sociology).(3TC: 3 -0 - 9).

Học phần này gồm: Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học; Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội; Hành động xã hội và tương tác xã hội; Vị thế và vai trò xã hội; Nhóm xã hội và thiết chế xã hội; Văn hóa và xã hội hóa. Đồng thời học phần giúp sinh viên hiểu vận dụng và phân tích trong các vấn đề cụ thể của xã hội học.

XH93077. Chính sách xã hội (Social policies)(3TC: 3 - 0 - 9). Các vấn đề cơ bản về chính sách xã hội, hoạch định – tổ chức – phân tích chính sách xã hội, chính sách dân số -

việc làm – giáo dục và đào tạo, chính sách xã hội đối với phụ nữ - văn hóa – dân tộc, chính sách về phân phối thu nhập – phòng chống tệ nạn xã hội.

KT02003. Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics). (3TC: 3 - 0 - 9).

Học phần bao gồm những nguyên lý cơ bản của Kinh tế học, đó là 3 phần chính: (1) Những vấn đề chung về kinh tế học, (2) Những nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô, (3) Những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô và các chính sách của chính phủ.

KE92001 – Nguyên lý kế toán (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 9).

Học phần này gồm có 06 chương và gồm các nội dung: Những vấn đề chung của kế toán, Bản chất và nguyên tắc của kế toán; Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép; Phương pháp chứng từ và kiểm kê; Phương pháp tính giá; Báo cáo tài chính.

XH93021. Nghề luật và Đạo đức nghề luật (Legal Practice and Professional Ethics) (3TC: 3-0-9). Môn học cung cấp kiến thức cơ bản, một số kỹ năng cần thiết của người hành nghề thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư và một số nghề luật khác, cũng như các kiến thức về môi trường nghề nghiệp và đạo đức hành nghề luật.

KT92104. Nguyên lý thống kê (Principles of Statistics) (3TC: 3-0-9): Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết thống kê, ứng dụng kiến thức thống kê trong việc thu thập tài liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp; tổng hợp và trình bày dữ liệu; sử dụng thống kê suy luận để rút ra kết luận cho tổng thể; ứng dụng những kiến thức của thống kê trong tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội; sử dụng phân tích tương quan trong kinh tế và xã hội.

XH94028. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnamese culture) (3TC: 3-0-9). Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

XH93022. Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật (Legal reasoning and writing skills in the legal profession) (3TC: 3-0-9). Học phần giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thể thức văn bản, sử dụng ngôn ngữ trong văn bản, các bước soạn thảo văn bản; kỹ năng viết bản phân tích pháp lý, kỹ năng viết bản tranh luận, kỹ năng soạn

thảo hợp đồng; kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý nội bộ, kỹ năng soạn thảo thư từ giao dịch email, biên bản cuộc họp, báo cáo; kỹ năng soạn thảo vi bằng, văn bản công chứng.

9.3. Các học phần chuyên sâu

XH94023. Luật Hình sự và Tố tụng hình sự (5TC: 5-0-15). Môn học luật Hình sự và Tố tụng hình sự là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề về Luật hình sự và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Môn học luật Hình sự và Tố tụng hình sự nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về tố tụng hình sự, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số quy định về thi hành bản án, quyết định của Tòa án; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự; vấn đề hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

XH94024. Xây dựng văn bản pháp luật (Formulation of legal documents) (3 TC: 3-0-9) Học phần này gồm: Khái niệm, nguyên tắc và quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kỹ thuật lập pháp và kỹ thuật soạn thảo văn bản; thẩm định, thẩm tra và ban hành văn bản; đánh giá tác động của văn bản; và các vấn đề sửa đổi, bãi bỏ văn bản.

XH94078. Luật hành chính và tố tụng hành chính (Administrative law) (3 TC: 3-0-9). Học phần này bao gồm các nội dung: Ngành Luật Hành chính Việt Nam; Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước; Hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp cưỡng chế hành chính; Các biện pháp pháp lý đảm bảo cưỡng chế trong quản lý hành chính nhà nước; Tố tụng hành chính.

XH94005. Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự (Civil law and civil procedure law) (5 TC: 5-0-15). Học phần gồm 12 chương: Khái quát chung về Luật Dân sự Việt Nam; Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; Tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền khác đối với tài sản; Pháp luật về thừa kế; Pháp luật về nghĩa vụ dân sự; Quy định chung về hợp đồng dân

sự; Một số hợp đồng dân sự thông dụng cụ thể; Quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong một số trường hợp cụ thể. Tổ tụng Dân sự: Nguyên tắc cơ bản của tổ tụng dân sự; Chủ thể tham gia quan hệ tố tụng dân sự; Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự; Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự.

XH94025. Tội phạm học và phòng chống tham nhũng (Criminology and Anti-corruption) (3TC: 3-0-9). Học phần gồm 02 phần và 10 chương: Phần 1 – Tội phạm học (06 chương): Khái niệm, đối tượng và các phương pháp nghiên cứu của tội phạm học; Lịch sử ra đời và phát triển của tội phạm học; Tình hình tội phạm và nguyên nhân của tội phạm; Nhân thân người phạm tội; Nạn nhân của tội phạm; Dự báo tội phạm và phòng ngừa tội phạm. Phần 2 – Pháp luật về phòng, chống tham nhũng (04 chương): Những vấn đề cơ bản về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng; Quy định của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng; Các biện pháp phòng, chống tham nhũng; Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phòng, chống tham nhũng.

XH94026. Luật thương mại (Commercial Law) (3TC:3-0-9). Giới thiệu về Luật Thương mại, thương nhân và một số thương nhân đặc thù; pháp luật về công ty, pháp luật về thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp. cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về các hoạt động thương mại của thương nhân, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, hoạt động trung gian thương mại và xúc tiến thương mại. bao gồm:

- Pháp luật về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác.
- Những quy định của pháp luật về các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại

XH94010 - Luật Hôn nhân và Gia đình (3TC: 3-0-9) Những vấn đề chung về hôn nhân và gia đình; Kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; Chấm dứt hôn nhân; Pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình.

XH94002 – Công pháp quốc tế (3TC:3-0-9). Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm: Khái quát chung về luật quốc tế; Nguồn của luật quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản

của luật quốc tế; Dân cư trong luật quốc tế; Lãnh thổ trong luật quốc tế; Luật ngoại giao và lãnh sự; Giải quyết tranh chấp quốc tế.

XH94007. Luật Đầu tư (Law on investment) (3TC:3-0-9).

Học phần Luật Đầu tư giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường, bao gồm: quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư; các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó, các hình thức đầu tư; pháp luật về đầu tư kinh doanh vốn Nhà nước, quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt và những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài

KT94002 – Đấu thầu (3TC:3-0-9).

Học phần này bao gồm: Những vấn đề cơ bản về đấu thầu; Chuẩn bị cho công tác đấu thầu; Tổ chức đấu thầu; Đánh giá và phê duyệt hồ sơ dự thầu; Kết thúc công tác đấu thầu; Tổ chức các loại hình đấu thầu đặc thù.

XH94029 - Công tác xã hội và an sinh XH (Social work and social security)(03TC: 3-0-9). Học phần này gồm: Sơ lược về sự hình thành và phát triển của Công tác xã hội và an sinh xã hội; Một số lĩnh vực của công tác xã hội và an sinh xã hội; Phương pháp kỹ năng thực hành công tác xã hội; Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam

XH94027. Kỹ năng chung về Tư vấn pháp luật (General Skills in Legal Counseling) (3 TC:3-0-9). Học phần này gồm có 5 nội dung sau: Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật và kỹ năng tư vấn pháp luật; Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, ký kết hợp đồng tư vấn và duy trì quan hệ với khách hàng; Kỹ năng nghiên cứu vụ việc và xác định giải pháp cho vụ việc tư vấn pháp luật; Các hình thức tư vấn pháp luật; Kỹ năng đại diện ngoài tố tụng.

XH94017. Tư Pháp Quốc Tế (International Private Law) (3 TC: 3-0-9) Môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật, giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài, và giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế. Học phần gồm tập trung vào các nội dung về thẩm quyền và thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân & gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài; công nhận và cho thi bản án, phán quyết của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài: thủ tục công nhận và cho thi hành, các

trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành; xác định luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng.

XH94012- Luật Môi trường (Environmental Law) (3 TC: 3-0-9)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần bao gồm các nội dung: Tổng quan về Luật Môi trường; Các công cụ pháp lý kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong một số lĩnh vực cụ thể; Pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Giải quyết tranh chấp môi trường; Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

XH94003- Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (3 TC: 3-0-9)

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần bao gồm 2 phần : Luật Cạnh tranh nghiên cứu các nội dung sau: Những vấn đề lý luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tổ tụng cạnh tranh, chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Luật Bảo vệ người tiêu dùng nghiên cứu các nội dung: Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD; Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam; Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với NTD; Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD; Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

KT93044. Chính sách công (03: 03-0-09).

Học phần này gồm những nội dung: những vấn đề cơ bản của chính sách công, quá trình hoạch định và thực thi chính sách, phân tích chính sách công với các nhóm chính sách chính bao gồm: Chính sách kinh tế; Chính sách chi tiêu công; Chính sách xã hội; Chính sách tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

XH94014. Luật Tài chính (Financial Law) (3 TC: 3-0-9) Học phần này gồm có 8 nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước và pháp luật ngân sách nhà nước; Pháp luật về quá trình ngân sách nhà nước; Pháp luật về thu chi và quản lý quỹ ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về thuế và pháp luật thuế; Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc

biệt và thuế giá trị gia tăng; Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Pháp luật thuế thu nhập; Pháp luật về thuế liên quan đến đất đai và các loại thuế khác

XH94006- Luật Đất đai (Land Law) (3 TC: 3-0-6).

Học phần này gồm có 5 nội dung sau: Một số vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai; Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai; Chế độ pháp lý các loại đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất.

XH94013 – Luật Sở hữu trí tuệ (03TC: 3-0-9). Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần này gồm: Khái quát về sở hữu trí tuệ; bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan; bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; bảo hộ đối với giống cây trồng; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

XH94031 - Xã hội học Chính trị (03TC: 3-0-9).

Học phần này gồm: Một số khái niệm cơ bản và đối tượng nghiên cứu, sự hình thành phát triển của xã hội học chính trị; Các khuynh hướng lý thuyết của xã hội học chính trị; Xã hội hóa chính trị và sự tham gia chính trị, đảng chính trị và nhóm lợi ích; Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay.

XH94035 - Xã hội học phát triển (3TC : 3- 0 - 9).

Học phần này gồm: Tổng quan về xã hội học phát triển; Một số lý thuyết xã hội học phát triển; Một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học phát triển, Hạn chế của hệ tư tưởng truyền thống trong quá trình phát triển ở Việt Nam, Xã hội cộng đồng và con người Phương Đông, hệ giá trị gia đình, Tổ chức và điều hành xã hội, văn hóa và phát triển

XH94079. Luật Kinh doanh bất động sản (Law on real estate business) (3TC: 3-0-9).

Học phần này bao gồm các nội dung: Tổng quan về bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản; quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản.

XH94090. Luật Thương mại Quốc tế (International Trade and Business Law) (3 TC:3-0-9). Học phần luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Học phần bao gồm 02 phần và 07 chương. Phần 1 - Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia gồm 04 chương: Chương 1. Tổng quan về luật thương mại quốc tế; Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của WTO; Chương 3. Các hiệp định của

WTO; Chương 4. Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO. Phần 2 - Luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân gồm 03 chương: Chương 5. Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Chương 6. Thanh toán quốc tế; Chương 7. Các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

XH94048. Luật lao động (Labor Law) (3 TC:3-0-9). Học phần bao gồm những nội dung chính như sau: Khái quát về Luật Lao động Việt Nam; Hợp đồng lao động; Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể; Tiền lương; Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; An toàn lao động, vệ sinh lao động; Bảo hộ lao động; Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Đình công và giải quyết đình công.

XH94373. Thực tập ngành luật (Internship in laws) (7TC: 0-7-21). Học phần này gồm các nội dung chính như sau: Định hướng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp tiến hành thực tập; Liên hệ đơn vị thực tập và xác định chủ đề thực tập; Xây dựng đề cương và kế hoạch thực tập tương ứng với chủ đề thực tập; Đi thực tập tại đơn vị thực tập, thực hành công việc, viết và trình bày kết quả thực tập.

XH94492- Khóa luận tốt nghiệp (Thesis) (10TC: 0-10-30).

Học phần này gồm: Xác định tên đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin, viết và trình bày báo cáo khóa luận.

XH94018. Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại (3 TC:0-3-9) Giới thiệu tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại; Pháp luật về hòa giải giải quyết tranh chấp thương mại; Pháp luật về trọng tài giải quyết tranh chấp thương mại; Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại;.

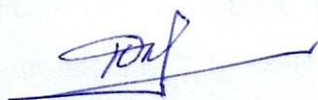
XH94091. Luật Chứng khoán (Securities Law) (4 TC:4-0-12). Học phần này gồm có 8 nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch chứng khoán; Pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; Pháp luật về công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và ngân hàng giám sát; Pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán; Quản lý nhà

nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XH94001 – Luật Kinh doanh bảo hiểm (Law on insurance business) (3 TC: 3-0-9):

Học phần này gồm có 6 nội dung sau: Những vấn đề lí luận cơ bản về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm; Chủ thể kinh doanh bảo hiểm; Trung gian bảo hiểm; Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm và sản phẩm bảo hiểm; Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ.

TRƯỜNG KHOA



Trần Lê Thanh

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)
I	Cấp Học viện		
	Phòng học		
1	Hội trường, phòng họp lớn trên 200 chỗ	3	986
2	Phòng học máy tính	16	1198
3	Phòng học ngoại ngữ	4	351
4	Phòng học đa năng	4	440
5	Phòng học khác	132	39,275
	Phòng chức năng		
6	Thư viện/Trung tâm học liệu.	18	3,955
7	Phòng thực hành và phòng thí nghiệm	293	18,191
8	Xưởng, phòng thực hành	12	1,177
9	Nhà tập đa năng	2	11,200
10	Nhà hiệu bộ (nhà làm việc)	66	3,269
	Diện tích khác		
11	Ký túc xá/ khu nội trú	10	40,948
12	Sân vận động	6	18,100
II	Cấp Khoa		
1	Văn phòng khoa	1	57,53
2	Phòng đọc	1	35,95
3	Bộ môn Xã hội học	1	81,5
4	Bộ môn Kinh tế chính trị - CNXHKKH	1	40,5
5	Bộ môn Triết học	1	39,72
6	Kho 1	1	35,95
7	VP Liên chi Đoàn - Liên chi Hội khoa	1	19,34
8	Kho 2	1	16,62
10	Kho 3	1	18,7
11	Bộ môn Khoa học chính trị	1	79,26
12	Trưởng khoa	1	40,5
13	Phòng truyền thống	1	39,72
14	Hội trường	1	133,7
15	Phòng seminar	1	39,72
16	Phó khoa	1	40,5
17	Bộ môn Pháp luật	1	79,26
18	Phòng diễn án	1	133,7

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành: không

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1		...	...	...	...
2	...	...	...	...	...

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	XH94019-Lý luận chung về NN&PL	Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.	2023
2	KE91028-Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Bài giảng Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh			2024
		Giáo trình Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Lê Thị Kim Oanh và Đào Hồng Vân	NXB Học viện Nông nghiệp	2024
3	XH93027-Xã hội học đại cương	Bài giảng xã hội học đại cương	Bộ môn Xã hội học.	NXB Đại học nông nghiệp Hà Nội	2008
4	KE91063-Thương mại và hội nhập quốc tế	Bài giảng thương mại và hội nhập quốc tế			2024
5	DN91027-Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Trần Thị Hà Nghĩa & cộng sự		2024
6	TH91084-Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bài giảng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số			2024
		Chuyển đổi số - 5 giai đoạn triển khai công nghệ số cho doanh nghiệp	Lindsay Herbert	NXB Thông tin và Truyền thông	2020

7	NH91046-Nông nghiệp hiện đại	Bài giảng Nông nghiệp hiện đại	Chu Anh Tiệp & cs.		2024
8	TM91012-Sinh thái môi trường	Giáo trình Sinh thái môi trường	Trần Đức Viên & cs.	NXB Học viện NNVN	2024
		Giáo trình Môi trường và con người	Nguyễn Thị Hồng Ngọc và cs.	NXB Học viện NNVN	2024
9	XH94008-Luật Hiến pháp	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội	2018, 2019.
		Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	NXB Tư Pháp, Hà Nội	2019
10	XH91047-Triết học Mác - Lê Nin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
11	KT92025-Nguyên lý kinh tế	Giáo trình Nguyên lý Kinh tế	Nguyễn Văn Song, Nguyễn Minh Đức, Ngô Minh Hải, Thái Thị Nhung, Nguyễn Thị Huyền Châm, Đoàn Bích Hạnh, Đồng Thanh Mai, Bùi Thị Khánh Hòa	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2022

12	KE92001-Nguyên lý kế toán	Giáo trình nguyên lý kế toán.	Nguyễn Thị Thủy, Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Đăng Học, Trần Minh Huệ	NXB Học viện Nông Nghiệp.	2022
		Giáo trình Nguyên lý kế toán.	Nguyễn Hữu Ánh và Phạm Đức Cường	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.	2020
13	XH93077-Chính sách xã hội	Giáo trình chính sách xã hội	Trường đại học lao động xã hội	Nhà xuất bản lao động xã hội	2011
14	XH94023-Luật Hình sự và Tổ tụng HS	Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) (Quyển 1),	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
		Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) (Quyển 2),	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
		Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), Tập 1	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội	2016
		Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), Tập 2	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội	2016
15	KT91043-Tổ chức	Giáo trình Kinh tế	Đỗ Kim Chung	NXB HVNN	2023

	và quản lý kinh tế	hộ nông dân	và Lưu Văn Duy		
		Giáo trình Kinh tế nông nghiệp	Đỗ Kim Chung	NXB HVNN	2021
		Tổ chức công tác khuyến nông	Đỗ Kim Chung	NXB HVNN	2021
		Giáo trình kinh tế nông thôn	Lưu Văn Duy & cs.	NXB HVNN	2022
16	XH91061-Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
17	DN91034-Tiếng Anh 1	<i>TakeAway English 2</i>	Peter Loveday, Melissa Koop, Sally Trowbridge, Lisa Varandani	Mc Graw Hill, New York.	2012
18	KT92104-Nguyên lý thống kê	Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế; 2006	Ngô Thị Thuận, Nguyễn Hữu Ngoan, Phạm Văn Hùng	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2006
		Bài giảng Nguyên lý thống kê.	Phạm Văn Hùng, Lê Khắc Bộ, Nguyễn Thị Thu Huyền, Giang Hương, Nguyễn Thị Huyền Trang		2023
19	DN91035-Tiếng Anh 2	<i>TakeAway English 2</i>	Loveday, P., Koop, M.,	Mc Graw Hill, New York.	2012

			Trowbridge, S., Varandani, L.		
20	XH91062-Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
21	XH94078-Luật Hành chính và Tổ tụng HC	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội	2019
22	XH94005-Luật Dân sự và Tổ tụng Dân sự	Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 1)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb CAND, Hà Nội	2020
		Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb CAND, Hà Nội	2021
23	XH91075-Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật	2021
24	XH91076-Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.	2021
25	XH94026-Luật Thương mại	Giáo trình Luật Thương mại 1	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân, HN	2018
26	XH94010-Luật Hôn nhân và gia đình	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân, HN	2017
27	XH94002-Công pháp quốc tế	Giáo trình luật quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
28	XH94013-Luật Sở hữu trí tuệ	Giáo trình Luật Sở	Vũ Thị Hải Yến	Nxb Công an	2021

		hữu trí tuệ		nhân dân, Hà Nội	
29	XH94007-Luật đầu tư	Giáo trình Luật Đầu tư	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Tư pháp, Hà Nội	2022
30	KT94002-Đấu thầu	Bài giảng về Đấu thầu	Nguyễn Thị Minh Thu		2022
		Nghiệp vụ đấu thầu	TS. Nguyễn Quang Duệ và ThS. Đào Thị Thu Trang	NXB Thông tin và Truyền thông	2018
31	XH94048-Luật Lao động	Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, tập 1	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2020
32	XH94017-Tư pháp quốc tế	Giáo trình tư pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Tư pháp, Hà Nội	2022
33	XH94014-Luật Tài chính	Giáo trình luật ngân sách nhà nước	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB, Công an nhân dân, Hà Nội.	2021
		Giáo trình luật thuế Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB, Công an nhân dân, Hà Nội.	2021
34	XH94006-Luật Đất đai	Giáo trình Luật Đất đai Việt Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội.	2016
		Giáo trình Luật Đất đai	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Hồng Đức, TPHCM.	2016
		Bài giảng Luật Đất	Vũ Văn Tuấn	NXB Đại học	2012

		đai		Nông nghiệp Hà Nội	
35	XH94012-Luật Môi trường	Bài giảng Luật môi trường	Trịnh Thị Ngọc Anh (Chủ biên)	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2012
		Giáo trình luật môi trường	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội	2017, 2019.
36	XH94003-Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	Giáo trình luật cạnh tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2020
37	KT93044-Chính sách công	Giáo trình Chính sách công.	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.	2018
		Giáo trình Kinh tế nông nghiệp.	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp. Hà Nội.	2021
38	XH94029-Công tác xã hội và an sinh xã hội	Công tác xã hội,	Lê Văn Phú	Nhà Xuất bản Đại học quốc gia Hà nội	2004
		Giáo trình nhập môn an sinh xã hội.	Nguyễn Hải Hữu	NXB Đại học lao động xã hội	2018
39	XH94373-Thực tập ngành luật	Tất cả các giáo trình, tài liệu tham khảo thuộc các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.			
40	XH94018-Pháp luật về GQTC trong KDTM	Bài giảng Pháp luật giải quyết tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân, Hà Nội	2020

		chấp thương mại			
41	XH94079-Luật Kinh doanh BĐS	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội.	2009
		Thị trường bất động sản	Hoàng Văn Cương (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	2017
42	XH94031-Xã hội học chính trị	Đề cương bài giảng Xã hội học Chính trị	Nguyễn Văn Đáng		2008
43	XH94035-Xã hội học phát triển	Phát triển học - Tài liệu hướng dẫn học tập. Khoa Xã hội học – Trường Đại học Mở TP. HCM	Trần Xuân Kiêm		2005
44	XH94028-Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đề cương bài giảng Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vũ Hải Hà (chủ biên), Vũ Thị Thu Hà, Tạ Quang Giảng	Nxb Đại học Nông nghiệp	2017
45	XH94492-Khóa luận tốt nghiệp	Giáo trình, bài giảng các môn học đã được giảng dạy và học tập trong 04 năm học. Các tài liệu hướng dẫn của giáo viên. Các báo cáo của ngành, địa phương, của các cơ quan, tổ chức khác về vấn đề nghiên cứu Sách, tạp chí... về vấn đề nghiên cứu			
46	XH94090-Luật Thương mại quốc tế	Giáo trình luật	Trường Đại học	Nxb. CAND,	2017

		thương mại quốc tế	Luật Hà Nội	Hà Nội	
47	XH94091-Luật Chứng khoán	Giáo trình Luật Chứng khoán	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
48	XH94011-Luật Kinh doanh bảo hiểm	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm: sách tham khảo	Bùi Thị Hằng Nga	Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2018
		Pháp luật kinh doanh bảo hiểm – Lý luận và thực tiễn	Bùi Thị Hằng Nga, Bạch Thị Nhã Nam	Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2018
		Pháp luật Hợp đồng bảo hiểm con người	Nguyễn Thị Thủy	Nxb Hồng Đức	2017
49	XH93020-Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam, Trường Đại học Luật Hà Nội	Lê Minh Tâm & Vũ Thị Nga	Nxb Công an nhân dân, Hà Nội	2021
		Giáo trình Lịch sử Nhà nước và pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội	Phạm Điềm & Vũ Thị Nga	Nxb Công an nhân dân, Hà Nội	2021
		Lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý	Hoàng Thị Kim Quế & Nguyễn Đăng Dung	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2016
50	XH93021-Nghề luật và Đạo đức nghề luật	Giáo trình Kỹ năng mềm trong nghề luật	Học viện Tư pháp	Nxb Tư pháp, Hà Nội.	2023

		Giáo trình Luật sư và đạo đức nghề luật sư	Học viện Tư pháp	Nxb Tư pháp, Hà Nội.	2023
		Học viện Tư pháp và Dự án phát triển Tư pháp và sự tham gia từ cơ sở	Tư vấn biên soạn: GS Trevor c.Farrow	Nxb Tư pháp, Hà Nội.	2011
51	XH94024-Xây dựng văn bản pháp luật	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Tư pháp, Hà Nội	2017
52	XH94025-Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	Giáo trình tội phạm học	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2012 hoặc 2017, 2022, 2024
		Giáo trình tội phạm học	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2019
		Giáo trình lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng	Trường Đại học Quốc gia Hà Nội	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2013
53	XH94027-Kỹ năng chung về Tư vấn pháp luật	Giáo trình Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội.	2024
54	XH93022-Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	Giáo trình Kỹ năng viết và nghiên cứu pháp lý	Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh	Nxb. Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.	2022

		Giáo trình Kỹ năng nghề luật	Nguyễn Văn Cừ	Nxb. Tư pháp, Hà Nội	2019
		Kỹ năng viết pháp lý	Trần Anh Đức	Nxb. Hồng Đức	2020

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghệp
1	XH94019-Lý luận chung về NN&PL	Pháp Luật/ KHXH	Đỗ Thị Kim Hương	1984	Thạc sĩ	Việt Nam
2	KE91028- Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Khoa Kế toán và QTKD	Phạm Thị Hương Dịu	1978	Tiến sĩ	
3	XH93027-Xã hội học đại cương	Xã hội học/Khoa học xã hội	Phạm Thị Thu Hà	1991	Thạc sĩ	Việt Nam
4	KE91063- Thương mại và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán và QTKD	Trần Thị Thu Hương	1979	Tiến sĩ	
5	DN91027- Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Khoa Du lịch và ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghĩa	1975	Thạc sĩ	Việt Nam
6	TH91084- Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Quang Dũng	1980	Tiến sĩ	
7	NH91046- Nông nghiệp hiện đại	Nông học	Trần Thị Thiêm	1980	Tiến sĩ	
8	TM91012- Sinh thái và	Khoa TN và MT	Ngô Thế Ân	1972	Tiến sĩ	

	môi trường					
9	XH94008- Luật Hiến pháp	Pháp Luật/ KHXH	Hoàng Kiều Oanh	1995	Thạc sĩ	Việt Nam
10	XH91047- Triết học Mác - Lê Nin	Triết học/Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng	1978	Tiến sĩ	Việt Nam
11	KT92025- Nguyên lý kinh tế	Kinh tế/Kinh tế và PTNT	Nguyễn Thị Huyền Châm	1987	Tiến sĩ	
12	KE92001- Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính/Kế toán và QTKD	Phan Lê Trang		Thạc sĩ	
13	XH93077- Chính sách xã hội	Xã hội học/Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Minh Khuê	1985	Tiến sĩ	Bỉ
14	XH94023- Luật Hình sự và Tố tụng HS	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
15	KT91043-Tổ chức và quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế	Lưu Văn Duy	1986	Tiến sĩ	Việt Nam
16	XH91061- Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Kinh tế chính trị - CNXHKH/Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	1974	Thạc sĩ	Việt Nam
17	DN91034- Tiếng Anh 1	Tiếng Anh cơ bản/Du lịch và Ngoại ngữ	Vũ Khánh Linh	1995	Thạc sĩ	Anh
18	KT92104- Nguyên lý thống kê	BM Phân tích định lượng/Khoa Kinh tế và PTNT	Phạm Văn Hùng	1963	PGS. TS	Việt Nam
19	DN91035- Tiếng Anh 2	Tiếng Anh cơ bản/Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
20	XH91062- Chủ nghĩa xã hội khoa học	KTCT - CNXHKH/Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn	1983	Thạc sĩ	Việt Nam
21	XH94078- Luật Hành	Khoa Học Chính Trị/Khoa	Trần Lê Thanh	1968	Tiến sĩ	Việt Nam

	chính và Tổ tụng HC	học xã hội				
22	XH94005- Luật Dân sự và Tổ tụng Dân sự	Pháp luật/Khoa học xã hội	Trịnh Thị Ngọc Anh	1972	Thạc sĩ	Việt Nam
23	XH91075- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa Học Chính Trị/Khoa học xã hội	Lê Thị Dung	1990	Thạc sĩ	Hàn Quốc
24	XH91076-Tư tướng Hồ Chí Minh	Khoa học chính trị/Khoa học xã hội	Trần Thị Mai	1976	Thạc sĩ	Việt Nam
25	XH94026- Luật Thương mại	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Ngân	1974	Thạc sĩ	Việt Nam
26	XH94010- Luật Hôn nhân và gia đình	Pháp Luật/ KHXH	Đỗ Thị Kim Hương	1984	Thạc sĩ	Việt Nam
27	XH94002- Công pháp quốc tế	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
28	XH94013- Luật Sở hữu trí tuệ	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
29	XH94007- Luật đầu tư	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Ngân	1974	Thạc sĩ	Việt Nam
30	KT94002-Đầu thầu	Kế hoạch và đầu tư/ KT và PTNT	Nguyễn Thị Minh Thu		Tiến sĩ	
31	XH94048- Luật Lao động	Triết học/Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng	1978	Tiến sĩ	Việt Nam
32	XH94017-Tư pháp quốc tế	Pháp Luật/ KHXH	Phạm Văn Anh	1990	Thạc sĩ	Mỹ
33	XH94014- Luật Tài chính	Pháp Luật/ KHXH	Lê Thị Yến	1982	Thạc sĩ	Việt Nam
34	XH94006- Luật Đất đai	Pháp Luật/ KHXH	Vũ Văn Tuấn	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
35	XH94012- Luật Môi trường	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Lam Thủy	1993	Thạc sĩ	Việt Nam
36	XH94003-	Pháp luật/Khoa	Trịnh Thị Ngọc Anh	1972	Thạc sĩ	Việt

	Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	học xã hội				Nam
37	KT93044-Chính sách công	Khoa kinh tế và PTNT	Lê Thị Thanh Loan	1985	Tiến sĩ	
38	XH94029-Công tác xã hội và an sinh xã hội	Xã hội học/Khoa học xã hội	Trần Thanh Hương	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
39	XH94373-Thực tập ngành luật	Pháp Luật/KHXH	Hoàng Kiều Oanh	1995	Thạc sĩ	Việt Nam
40	XH94018-Pháp luật về GQTC trong KDTM	Pháp Luật/KHXH	Vũ Văn Tuấn	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
41	XH94079-Luật Kinh doanh BĐS	Khoa Học Chính Trị/Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh	1968	Tiến sĩ	Việt Nam
42	XH94031-Xã hội học chính trị	Xã hội học/Khoa học xã hội	Trần Thanh Hương	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
43	XH94035-Xã hội học phát triển	Xã hội học/Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Diễm	1973	PGS, Tiến sĩ	Bỉ
44	XH94028-Cơ sở văn hóa Việt Nam	Khoa học chính trị/Khoa học xã hội	Vũ Hải Hà	1982	Thạc sĩ	Việt Nam
45	XH94492-Khóa luận tốt nghiệp	Pháp Luật/KHXH	Nguyễn Thị Lam Thủy	1993	Thạc sĩ	Việt Nam
46	XH94090-Luật Thương mại quốc tế	Pháp Luật/KHXH	Phạm Vân Anh	1990	Thạc sĩ	Mỹ
47	XH94091-Luật Chứng khoán	Pháp Luật/KHXH	Lê Thị Yến	1982	Thạc sĩ	Việt Nam
48	XH94011-Luật Kinh doanh bảo	Pháp Luật/KHXH	Hoàng Kiều Oanh	1995	Thạc sĩ	Việt Nam

	hiêm					
49	XH93020- Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
50	XH93021- Nghề luật và Đạo đức nghề luật	Pháp Luật/ KHXH	Vũ Văn Tuấn	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
51	XH94024- Xây dựng văn bản pháp luật	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
52	XH94025-Tội phạm học và phòng chống tham nhũng	Pháp Luật/ KHXH	Trịnh Thị Ngọc Anh	1972	Thạc sĩ	Việt Nam
53	XH94027-Kỹ năng chung về Tư vấn pháp luật	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
54	XH93022-Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản

PHỤ LỤC 4: MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT NGÀNH LUẬT

Kí hiệu	Mục tiêu CTĐT	Kiến thức chung CĐR1	Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung		Kỹ năng chuyên môn		Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
			CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10
MT1	Có hiểu biết cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội làm nền tảng cho nghiên cứu và áp dụng pháp luật; có kiến thức cơ sở về Nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên ngành tổng hợp về các lĩnh vực pháp luật, kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế để vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn	x	x	x	x						
MT2	Có kỹ năng tư duy pháp lý và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể vận dụng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp lý, có khả năng thích ứng với môi trường nghề luật đa dạng					x	x	x	x		
MT3	Có sức khỏe, có phẩm chất chính trị, đạo đức; có tâm huyết với nghề nghiệp, xây dựng và bảo vệ pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có khả									x	x

CĐR 3	Phân tích quy phạm pháp luật thuộc các nhóm kiến thức cốt lõi ngành Luật để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.	Áp dụng kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội; kiến thức pháp luật quốc tế, về pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia khác, với các tổ chức quốc tế và với các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.	Students will have knowledge and understanding of: - the key principles and values of a range of legal areas extending beyond the core; - identify the legal issues arising from particular factual situations; - apply knowledge so as to provide practical and reasoned advice and solutions to particular problems over a wide range of legal areas.	Critically review, analyse, adapt and apply broad and coherent theoretical and technical knowledge of law and underlying principles and concepts in diverse contemporary local and international and comparative contexts;
CĐR 4	Đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế.	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật kinh tế (chuyên ngành luật kinh tế)	Students will have knowledge and understanding of: some in-depth knowledge of specialist areas.	
2	Kỹ năng			
2.1	Kỹ năng chung			
CĐR 5	Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực luật	Kỹ năng giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, cá nhân, đơn vị, tổ chức khác; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản	Students will be able to: - communicate fluently in English, using legal terminology correctly; - demonstrate proficient use of information technology; - use standard information retrieval systems to access legal information and internet resources.	
CĐR 6	Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào các lĩnh vực chuyên biệt của ngành luật	Kỹ năng trình bày và bảo vệ quan điểm của mình; kỹ năng làm việc nhóm với cương vị là trưởng nhóm hay thành viên		Apply personal and interpersonal competencies including organisational and collaborative skills necessary to operate within broad parameters in the

					immensely divergent and complex global and Australian cultures;
2.2	Kỹ năng chuyên môn				
CDR 7	Thực hiện thành thạo kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý	Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình; kỹ năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật và đưa ra được các giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó. Kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý	Students will be able to: • identify issues in terms of policy and doctrinal importance; • produce clear doctrinal synthesis and summary of policy issues; • evaluate law both independently in terms of doctrinal coherence and in relation to other policy perspectives which have been incorporated in the topics studied; • create new or imaginative ways of approaching a problem or analysing material in different ways.	Identify, articulate and respond to legal issues by critically analysing and applying information with initiative and judgement in order to both anticipate and creatively solve problems and promote justice in authentic/contemporary professional, community and global settings; Exhibit professional accountabilities and ethical judgement, by evaluating, synthesising and adapting knowledge, skills legal reasoning and research to make appropriate responses to legal issues that reflect the social, political and contextual factors;	
CDR 8	Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản liên quan trong lĩnh vực pháp lý	Kỹ năng soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc mọi lĩnh vực liên quan đến công việc được giao	Students will be able to: • read a range of complex works within and about law and summarise arguments accurately; • engage in academic debate in a professional manner.	Communicate a clear, coherent and independent exposition of knowledge and skills appropriate for legal and non-legal audiences, in both oral and written form;	
3	Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm				
CDR 9	Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp	Tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới, sẵn sàng cống	Students will be able to: • act independently in planning and	Reflect on personal learning and skills in relation to career goals	

		hiến trí lực phục vụ đất nước	managing their own learning and the tasks in areas which students have studied; • provide some reflection on learning experiences.	and implement effective, creative strategies to promote lifelong learning and pathways to further learning including a commitment to ongoing professional development;
CDR 10	Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ luật pháp	Trung thành với Tổ quốc, tuân thủ pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.		Contribute effectively, with personal accountability for outcomes in a dynamic 21st century work team, working in an ethical and socially responsible manner.

PHỤ LỤC 6
MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG,
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	CDR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật			CDR 2: Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn thuộc cơ sở ngành luật để nghiên cứu các lĩnh vực pháp luật cụ thể		CDR 3: Phân tích quy phạm pháp luật thuộc các nhóm kiến thức cốt lõi ngành Luật để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp.			CDR 4. Đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế.		CDR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực luật			CDR6: Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào các lĩnh vực chuyên biệt của ngành luật			CDR7. Thực hiện được kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý			CDR8: Thực hiện được kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản liên quan trong lĩnh vực pháp lý.			CDR9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.			CDR10. Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ luật pháp		
				1.1	1.2.	1.3	2.1	2.2.	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1.	6.2	7.1.	7.2	8.1	8.2	9.1.	9.2.	10.1	10.2						
1	1	XH91019	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật				I		I	I						I	I												I		
2	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế		P	P														I									I		

PHỤ LỤC 7: LỘ TRÌNH HỌC TẬP NGÀNH LUẬT (CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ)

HK1 (14TC)	HK2 (18TC)	HK3 (27TC)	HK4 (25TC)	HK5 (25 TC)	HK6 (27TC)	HK7 (22TC)	HK8 (20TC)
Lý luận nhà nước và PL (4TC)	Triết học Mác - Lê Nin (3TC)	Luật Hiến pháp (3TC)	Nghề luật và Đạo đức nghề luật (3TC)	Tiếng anh 2 (3TC)	Kỹ năng chung về Tư vấn pháp luật (3 TC)	XHH chính trị (3 TC)	Khóa luận tốt nghiệp (10 TC)
TM và Hội nhập QT (3 TC)	CNTT và chuyển đổi số (4TC)	Luật hình sự và tố tụng hình sự (5 TC)	Xây dựng văn bản pháp luật (3 TC)	Tư tưởng HCM (2 TC)	Tư pháp quốc tế (3 TC)	XHH phát triển (3 TC)	
TLH và giao tiếp CD (3TC)	Nông nghiệp hiện đại (4 TC)	Tổ chức và QLKT (3TC)	Chủ nghĩa XHKH (2 TC)	Lịch sử ĐCSVN (2 TC)	Luật môi trường (3 TC)	Luật kinh doanh BĐS (3 TC)	PL về giải quyết tranh chấp trong KDTM (3TC) (tự chọn thay thế KLTN)
Khởi nghiệp và VHKG (4TC)	Sinh thái và MT (4 TC)	KTCT Mác Lênin (2TC)	Luật hành chính và tố tụng hành chính (3 TC)	Luật thương mại (3 TC)	Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (3 TC)	Luật thương mại quốc tế (3 TC)	
	Lịch sử NN&PL và các học thuyết chính trị - pháp lý (3 TC)	Tiếng anh 1 (2 TC)	Luật dân sự và tố tụng dân sự (5 TC)	Luật hôn nhân và gia đình (3 TC)	Chính sách công (3 TC)	Luật lao động (3 TC)	Luật chứng khoán (4 TC) (tự chọn thay thế KLTN)
		XHH đại cương (3TC)	Tội phạm học và phòng chống tham nhũng (3 TC)	Công pháp quốc tế (3 TC)	Luật tài chính (3 TC)	Thực tập (7 TC)	Luật kinh doanh bảo hiểm (3 TC) (tự chọn thay thế KLTN)
		Chính sách xã hội (3TC)	Nguyên lý thống kê (3 TC)	Luật đấu tư (3 TC)	Luật đất đai (3 TC)		
		Nguyên lý kinh tế (3 TC)	Cơ sở văn hoá VN (3 TC)	Đấu thầu (3 TC)	Luật SHTT (3 TC)		
		Nguyên lý kế toán (3TC)		Cống tác XH và an sinh XH (3 TC)	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật (3 TC)		

	Đại cương
	Cơ sở ngành
	Chuyên ngành/ Chọn lọc ngành